

# **Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

**MỤC LỤC**

*Trang*

Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo thu nhập	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính	7 - 8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	9 - 10
Báo cáo danh mục đầu tư	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 47

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/dơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 74.943.148.900 đồng, tương đương với 7.494.314,89 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Phạm Thị Phương Nhi	Thành viên độc lập	Ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên	Ngày 7 tháng 8 năm 2014

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo tài chính là Ông Avinash D. Satwalekar - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính, và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính định kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61141024/17997573

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát của Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-QM

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (*)
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>19.573.119.993</b>	<b>(1.813.626.376)</b>
02	1.1 Cổ tức	13	3.153.940.000	385.256.000
03	1.2 Tiền lãi	14	154.845.793	523.600.624
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	3.618.487.366	1.936.000
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	16	12.645.846.834	(2.724.419.000)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>(60.050.850)</b>	<b>(82.855.156)</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	17	(60.050.850)	(82.855.156)
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>(2.443.718.333)</b>	<b>(698.654.222)</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ	26.1	(1.486.221.445)	(480.764.226)
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	26.2	(306.493.761)	(52.848.072)
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	26.2	(277.175.060)	(11.260.081)
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ	26.2	(39.104.206)	(11.260.081)
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	26.2	(49.286.938)	(12.657.633)
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ		(10.195.417)	-
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		(110.000.000)	(40.000.000)
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	(165.241.506)	(89.864.129)
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>17.069.350.810</b>	<b>(2.595.135.754)</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>71.842.441</b>	<b>5.442.284</b>
24.1	5.1 Thu nhập khác	20	71.842.441	5.442.284
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>17.141.193.251</b>	<b>(2.589.693.470)</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.495.346.417	134.725.530
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		12.645.846.834	(2.724.419.000)
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>17.141.193.251</b>	<b>(2.589.693.470)</b>

(\*) Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



Bà Nguyễn Thị Tường Vi  
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-QM

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.848.484.314</b>	<b>20.191.509.348</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		2.848.484.314	4.199.999.934
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		2.000.000.000	15.991.509.414
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>5</b>	<b>85.046.039.200</b>	<b>52.415.695.000</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		85.046.039.200	52.415.695.000
2.1a	Cổ phiếu niêm yết		85.046.039.200	52.415.695.000
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>160.579.666</b>	<b>82.160.133</b>
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		160.579.666	82.160.133
136	3.2a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		160.579.666	82.160.133
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>90.055.103.180</b>	<b>72.689.364.481</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	166.657.612
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	108.850.494	80.310.714
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.161.760	3.306.549
316	4. Chi phí phải trả	8	137.000.000	66.038.339
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	244.550.000	82.615.000
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	189.459.523
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	10	328.192.352	133.844.640
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>822.754.606</b>	<b>722.232.377</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ (III=I-II)</b>			
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		<b>89.232.348.574</b>	<b>71.967.132.104</b>
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	74.943.148.900	74.569.068.800
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	84.978.590.600	75.127.750.200
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(10.035.441.700)	(558.681.400)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	(262.300.107)	(12.243.226)
420			14.551.499.781	(2.589.693.470)
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUÝ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUÝ</b>	<b>11</b>	<b>11.906,67</b>	<b>9.651,07</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại Ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	11	7.494.314,89	7.456.906,88

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

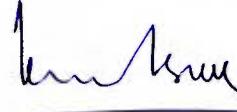
  
Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



  
Bà Nguyễn Thị Tường Vi  
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

  
Ông Lê Đình Bửu Triết  
Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ



  
Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-QM

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014 (*)
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu năm</b>	<b>71.967.132.104</b>	-
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b> II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	<b>17.141.193.251</b>	<b>(2.589.693.470)</b>
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b> III.1 Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu III.2 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ III.3 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	<b>124.023.219</b>  - 10.848.351.687 (10.724.328.468)	<b>74.556.825.574</b>  59.164.003.100 15.936.659.579 (543.837.105)
IV	<b>NAV của Quỹ cuối năm</b>	<b>89.232.348.574</b>	<b>71.967.132.104</b>

(\*) Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ (tiếp theo) B03-QM  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



Bà Nguyễn Thị Trường Vi  
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Lê Đình Bửu Triết  
Phó Giám đốc Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>85.046.039.200</b>	<b>94,44%</b>
1	ACB	133.200	19.800	2.637.360.000	2,93%
2	ANV	60.360	8.000	482.880.000	0,54%
3	BCC	194.100	13.400	2.600.940.000	2,89%
4	BMP	17.000	131.000	2.227.000.000	2,47%
5	CAV	76.000	50.500	3.838.000.000	4,26%
6	CTD	33.000	153.000	5.049.000.000	5,61%
7	DHG	53.050	66.500	3.527.825.000	3,92%
8	DPR	72.490	35.900	2.602.391.000	2,89%
9	FCN	158.920	20.400	3.241.968.000	3,60%
10	FPT	73.600	48.300	3.554.880.000	3,95%
11	GAS	12.000	36.200	434.400.000	0,48%
12	HDG	72.612	28.400	2.062.180.800	2,29%
13	HPG	10.000	29.200	292.000.000	0,32%
14	MBB	518.656	14.600	7.572.377.600	8,41%
15	MWG	13.000	78.500	1.020.500.000	1,13%
16	NSC	43.000	95.000	4.085.000.000	4,54%
17	NT2	65.000	26.600	1.729.000.000	1,92%
18	PLC	56.750	36.100	2.048.675.000	2,27%
19	PNJ	51.556	42.900	2.211.752.400	2,46%
20	POM	88.190	6.900	608.511.000	0,68%
21	PVD	90.006	26.500	2.385.159.000	2,65%
22	PVS	202.500	16.700	3.381.750.000	3,76%
23	RAL	31.220	54.500	1.701.490.000	1,89%
24	SVC	102.000	41.400	4.222.800.000	4,69%
25	SVI	52.428	33.800	1.772.066.400	1,97%
26	TCM	69.000	30.800	2.125.200.000	2,36%
27	TRA	25.250	88.500	2.234.625.000	2,48%
28	VNM	89.000	128.000	11.392.000.000	12,65%
29	VSC	52.004	77.000	4.004.308.000	4,43%
<b>II</b>	<b>Tiền gửi có kỳ hạn cố định</b>			<b>2.000.000.000</b>	<b>2,22%</b>
1	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			2.000.000.000	2,22%
<b>III</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>			<b>2.848.484.314</b>	<b>3,16%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			2.848.484.314	3,16%
<b>IV</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>160.579.666</b>	<b>0,18%</b>
1	Cổ tức được nhận			160.013.000	0,18%
2	Phải thu lãi tiền gửi			566.666	0,00%
<b>V</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>90.055.103.180</b>	<b>100,00%</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B04-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



Bà Nguyễn Thị Tường Vi  
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Ông Lê Đình Bửu Triển  
Phó Giám đốc - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-QM

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (*)
	<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>17.141.193.251</b>	<b>(2.589.693.470)</b>
02	Điều chỉnh: Các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	16	(12.645.846.834)	2.724.419.000
04	Chi phí trích trước		70.961.661	-
05	<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.566.308.078</b>	<b>134.725.530</b>
06	Tăng các khoản đầu tư		(19.984.497.366)	(55.140.114.000)
08	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(78.419.533)	(82.160.133)
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(166.657.612)	166.657.612
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		28.539.780	80.310.714
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		855.211	3.306.549
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		161.935.000	82.615.000
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(189.459.523)	189.459.523
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	66.038.339
17	Tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		194.347.712	133.844.640
19	<b>Lưu chuyển tiền sử dụng trong hoạt động đầu tư thuần</b>		<b>(15.467.048.253)</b>	<b>(54.365.316.226)</b>
	<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	10.848.351.687	75.100.662.679
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(10.724.328.468)	(543.837.105)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>124.023.219</b>	<b>74.556.825.574</b>
40	<b>III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(15.343.025.034)</b>	<b>20.191.509.348</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>20.191.509.348</b>	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
52	- <i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ</i>		4.117.384.934	-
	- <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		15.991.509.414	-
53	- <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ</i>		82.615.000	-

(\*) Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-QM

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (*)
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm			
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	4	4.848.484.314	20.191.509.348
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		2.603.934.314	4.117.384.934
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		2.000.000.000	15.991.509.414
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		244.550.000	82.615.000
61	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		(15.343.025.034)	20.191.509.348

(\*) Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
 Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



Bà Nguyễn Thị Tường Vi  
 Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Lê Đình Bửu Triển  
 Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ



Ông Avinash Deepak Satwalekar  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

#### Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

#### Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 74.943.148.900 đồng, tương đương với 7.494.314,89 chứng chỉ quỹ.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào chứng khoán và giấy tờ có giá của một tổ chức phát hành có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trong vòng mươi hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật không được vượt quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc

b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) nhưng không quá mươi lăm phần trăm (15%) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thâu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Chế độ Kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ mở, Báo cáo danh mục đầu tư, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3. Niên độ kế toán

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 (ngày giấy phép thành lập Quỹ) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các năm tài chính tiếp theo của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>
<b>Trái phiếu</b>		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li><li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul></li><li>- Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</li></ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sach) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li><li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch) sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li><li>+ Giá mua; hoặc</li><li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul></li></ul>
8.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li><li>+ Giá mua; hoặc</li><li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul></li></ul>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
9.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong năm) của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Quyền mua cổ phiếu*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

#### *Các khoản đầu tư đệm đi thẻ chấp*

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thẻ chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

### 3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.  
Thặng dư vốn không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

#### 3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

#### 3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,9% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

#### Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### *Phí lưu ký*

Phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký =  $0,03\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày định giá}} / \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày thực tế trong năm}} (365 \text{ ngày})$ .

#### *Phí dịch vụ quản trị Quỹ*

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 105.000.000 đồng mỗi năm), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ =  $0,04\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày định giá}} / \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày thực tế trong năm}} (365 \text{ ngày})$ .

#### *Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng =  $0,04\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày định giá}} / \frac{\text{Số ngày thực tế}}{\text{Số ngày thực tế trong năm}} (365 \text{ ngày})$ .

#### *Phí giao dịch chứng khoán*

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 210.000 VND/giao dịch.

### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Cỗ tức*

Thu nhập từ cỗ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cỗ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

### 3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	2.603.934.314	15.991.509.414
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	2.000.000.000	4.117.384.934
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	244.550.000	82.615.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.848.484.314</b>	<b>20.191.509.348</b>

Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng từ ngày 30 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 1 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với lãi suất 5,1%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Giá mua</i>	<i>Giá trị thị trường</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại</i>
Cổ phiếu niêm yết	<b>75.124.611.366</b>	<b>85.046.039.200</b>	<b>9.921.427.834</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>			
Dự thu cổ tức ( <i>Thuyết minh 13</i> )	160.013.000	69.000.000	
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	566.666	13.160.133	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.579.666</b>	<b>82.160.133</b>	

Chi tiết các khoản dự thu cổ tức như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
<i>Mã chứng khoán</i>			
DPR	108.735.000	-	
PNJ	25.778.000	-	
BMP	25.500.000	-	
NSC	-	69.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.013.000</b>	<b>69.000.000</b>	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	54.425.247	40.155.357
Phải trả cho các Đại lý phân phối	54.425.247	40.155.357
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.850.494</b>	<b>80.310.714</b>

**8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả chi phí kiểm toán	110.000.000	40.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	26.038.339
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.000.000</b>	<b>66.038.339</b>

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	244.550.000	82.615.000

**10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ	273.957.690	115.031.272
Phải trả phí dịch vụ giám sát	23.100.000	2.663.885
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	21.000.000	2.421.713
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	4.344.669	2.663.885
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	3.689.993	2.663.885
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	2.100.000	8.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>328.192.352</b>	<b>133.844.640</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.512.775,02	985.084,04	8.497.859,06
Giá trị ghi theo mệnh giá	75.127.750.200	9.850.840.400	84.978.590.600
Thặng dư vốn	(27.087.521)	997.511.287	970.423.766
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	75.100.662.679	10.848.351.687	85.949.014.366
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(55.868,14)	(947.676,03)	(1.003.544,17)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(558.681.400)	(9.476.760.300)	(10.035.441.700)
Thặng dư vốn	14.844.295	(1.247.568.168)	(1.232.723.873)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(543.837.105)	(10.724.328.468)	(11.268.165.573)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>			
<b>7.456.906,88</b>	<b>37.408,01</b>	<b>7.494.314,89</b>	
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>			
<b>74.556.825.574</b>	<b>124.023.219</b>	<b>74.680.848.793</b>	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>			
<b>(2.589.693.470)</b>	<b>17.141.193.251</b>	<b>14.551.499.781</b>	
<b>NAV hiện hành</b>			
<b>71.967.132.104</b>			<b>89.232.348.574</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>			
<b>9.651,07</b>			<b>11.906,67</b>

**12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHÓI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	4.630.071.947	134.725.530
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.921.427.834	(2.724.419.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.551.499.781</b>	<b>(2.589.693.470)</b>

**13. CỎ TỨC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2014</i>
CỎ TỨC THỰC NHẬN	2.993.927.000	316.256.000
CỎ TỨC DỰ THU ( <i>Thuyết minh 6</i> )	160.013.000	69.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.153.940.000</b>	<b>385.256.000</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**13. CỔ TỨC (tiếp theo)**

Chi tiết cổ tức thực nhận trong năm như sau:

Mã chứng khoán	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm 2015	Năm 2014
VNM	471.420.000	-
CTD	282.100.000	-
MBB	251.775.000	141.785.000
CAV	230.070.000	-
PLC	183.750.000	-
FCN	158.920.000	-
SVC	158.592.000	38.400.000
PVD	148.965.000	-
FPT	137.600.000	-
PVS	132.600.000	-
DHG	130.530.000	-
NSC	111.490.000	-
BMP	98.600.000	39.440.000
ACB	93.240.000	-
SVI	87.380.000	-
VSC	87.074.000	51.220.000
TRA	73.650.000	-
DPR	59.235.000	29.355.000
TCM	41.400.000	-
BCC	24.600.000	-
GAS	20.400.000	-
PNJ	10.536.000	16.056.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.993.927.000</b>	<b>316.256.000</b>

**14. TIỀN LÃI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm 2015	Năm 2014
<b>Tiền lãi thực nhận</b>	<b>154.279.127</b>	<b>510.440.491</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	140.109.474	464.653.261
Tiền gửi không kỳ hạn	14.169.653	45.787.230
<b>Tiền lãi dự thu</b>	<b>566.666</b>	<b>13.160.133</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	566.666	13.160.133
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>154.845.793</b>	<b>523.600.624</b>

**15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Năm 2015</i>	<i>Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong năm</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong năm 2014</i>
<i>Tổng giá trị bán trong năm</i>				
Cổ phiếu niêm yết	<b>19.237.195.211</b>	<b>15.618.707.845</b>	<b>3.618.487.366</b>	<b>1.936.000</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**16. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường	Chênh lệch đánh giá lại	Đơn vị tính: VND	
				Chênh lệch đánh giá lại đã ghi nhận trong năm 2014	Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong năm 2015
Cổ phiếu niêm yết	<u>75.124.611.366</u>	<u>85.046.039.200</u>	<u>9.921.427.834</u>	<u>(2.724.419.000)</u>	<u>12.645.846.834</u>

**17. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

		Đơn vị tính: VND	
		Năm 2015	Năm 2014
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư		42.299.926	82.781.212
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư		17.750.924	73.944
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>60.050.850</b>	<b>82.855.156</b>

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

		Đơn vị tính: VND	
		Năm 2015	Năm 2014
Thù lao Ban Đại diện Quỹ		100.000.000	28.931.496
Chi phí quản lý dữ liệu		27.720.000	25.410.000
Chi phí in ấn		17.767.200	-
Phí Ngân hàng		7.425.306	5.522.633
Phí thường niên trả cho Uỷ ban Chứng khoán		5.000.000	-
Nhà nước		-	30.000.000
Chi phí thành lập quỹ		7.329.000	-
Chi phí khác			
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>165.241.506</b>	<b>89.864.129</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quý đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**19. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán	Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm	Phi giao dịch bình quân	Phi giao dịch bình quân trên thị trường
1	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	19.311.434.001	40.033.900.001	48,24%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	16.916.128.000	40.033.900.001	42,25%	0,15%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nguyên thương Việt Nam	Có liên quan	3.806.338.000	40.033.900.001	9,51%	0,15%
<b>Tổng</b>			<b>40.033.900.001</b>		<b>100,00%</b>	

**20. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
**Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCCQ	NAV/tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 1	71.621.289.201	7.456.906,88	9.604,69	-
Kỳ 2/Tháng 1	71.763.680.984	7.459.967,88	9.619,83	15,14
Kỳ 3/Tháng 1	72.944.604.978	7.459.967,88	9.778,13	158,30
Kỳ 4/Tháng 1	73.265.916.466	7.470.326,67	9.807,59	29,46
Kỳ 5/Tháng 1	72.957.744.072	7.470.326,67	9.766,33	(41,26)
Kỳ 6/Tháng 1	73.070.519.733	7.485.493,21	9.761,61	(4,72)
Kỳ 7/Tháng 1	73.521.743.202	7.485.493,21	9.821,89	60,28
Kỳ 8/Tháng 1	73.857.547.174	7.483.482,06	9.869,40	47,51
Kỳ cuối/Tháng 1	73.106.477.696	7.483.482,06	9.769,04	(100,36)
Kỳ 1/Tháng 2	71.965.127.919	7.483.482,06	9.616,52	(152,52)
Kỳ 2/Tháng 2	72.404.294.658	7.479.902,57	9.679,84	63,32
Kỳ 3/Tháng 2	72.761.971.144	7.479.902,57	9.727,66	47,82
Kỳ 4/Tháng 2	73.649.936.962	7.492.547,84	9.829,75	102,09
Kỳ 5/Tháng 2	73.786.474.269	7.492.547,84	9.847,98	18,23
Kỳ 6/Tháng 2	73.801.530.452	7.492.239,76	9.850,39	2,41
Kỳ cuối/Tháng 2	73.505.006.408	7.492.239,76	9.810,81	(39,58)
Kỳ 1/Tháng 3	74.370.414.406	7.492.239,76	9.926,32	115,51
Kỳ 2/Tháng 3	75.008.393.071	7.492.437,21	10.011,21	84,89
Kỳ 3/Tháng 3	74.797.940.397	7.492.437,21	9.983,12	(28,09)
Kỳ 4/Tháng 3	74.415.061.432	7.478.223,33	9.950,90	(32,22)
Kỳ 5/Tháng 3	74.121.124.880	7.478.223,33	9.911,59	(39,31)
Kỳ 6/Tháng 3	73.622.602.606	7.465.459,48	9.861,76	(49,83)
Kỳ 7/Tháng 3	72.418.076.554	7.465.459,48	9.700,41	(161,35)
Kỳ 8/Tháng 3	72.410.736.735	7.465.459,48	9.699,43	(0,98)
Kỳ cuối/Tháng 3	71.822.789.835	7.465.459,48	9.620,67	(78,76)
Kỳ 1/Tháng 4	72.279.822.047	7.470.970,05	9.674,75	54,08
Kỳ 2/Tháng 4	73.238.283.186	7.470.970,05	9.803,04	128,29
Kỳ 3/Tháng 4	73.294.137.604	7.469.516,82	9.812,43	9,39

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCCQ	NAV/tại ngày tính NAV NAV/1CCQ VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 4/Tháng 4	73.314.572.561	7.469.516.82	9.815.16	2.73
Kỳ 5/Tháng 4	74.549.132.581	7.477.318.72	9.970.03	154.87
Kỳ 6/Tháng 4	75.013.044.696	7.477.318.72	10.032.07	62.04
Kỳ 7/Tháng 4	76.084.408.529	7.562.901.33	10.060.21	28.14
Kỳ cuối/Tháng 4	75.575.513.690	7.562.901.33	9.992.92	(67.29)
Kỳ 1/Tháng 5	75.557.192.287	7.562.901.33	9.990.50	(2.42)
Kỳ 2/Tháng 5	74.118.468.874	7.562.901.33	9.800.26	(190.24)
Kỳ 3/Tháng 5	74.207.379.033	7.552.618.01	9.825.38	25.12
Kỳ 4/Tháng 5	73.006.291.585	7.552.618.01	9.666.35	(159.03)
Kỳ 5/Tháng 5	73.689.452.165	7.557.525.09	9.750.47	84.12
Kỳ 6/Tháng 5	72.597.695.035	7.557.525.09	9.606.01	(144.46)
Kỳ 7/Tháng 5	74.341.518.837	7.559.677.96	9.833.95	227.94
Kỳ 8/Tháng 5	74.766.839.439	7.559.677.96	9.890.21	56.26
Kỳ 9/Tháng 5	75.275.209.907	7.564.536.58	9.951.06	60.85
Kỳ cuối/Tháng 5	75.327.476.211	7.564.536.58	9.957.97	6.91
Kỳ 1/Tháng 6	74.945.286.759	7.564.536.58	9.907.45	(50.52)
Kỳ 2/Tháng 6	75.540.903.321	7.554.202.97	9.999.85	92.40
Kỳ 3/Tháng 6	76.083.241.526	7.554.202.97	10.071.64	71.79
Kỳ 4/Tháng 6	75.515.699.717	7.441.175.01	10.148.35	76.71
Kỳ 5/Tháng 6	75.313.563.592	7.441.175.01	10.121.19	(27.16)
Kỳ 6/Tháng 6	75.441.502.471	7.436.023.11	10.145.40	24.21
Kỳ 7/Tháng 6	76.789.560.427	7.436.023.11	10.326.69	181.29
Kỳ 8/Tháng 6	75.914.103.117	7.429.099.97	10.218.47	(108.22)
Kỳ cuối/Tháng 6	76.287.271.330	7.429.099.97	10.268.70	50.23
Kỳ 1/Tháng 7	77.284.817.112	7.432.522.42	10.398.19	129.49
Kỳ 2/Tháng 7	78.444.369.317	7.432.522.42	10.554.20	156.01
Kỳ 3/Tháng 7	77.586.429.334	7.400.447.14	10.484.01	(70.19)
Kỳ 4/Tháng 7	78.466.644.004	7.400.447.14	10.602.95	118.94
Kỳ 5/Tháng 7	77.898.327.025	7.411.751.22	10.510.11	(92.84)
Kỳ 6/Tháng 7	77.668.652.476	7.411.751.22	10.479.12	(30.99)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Cho năm tài chính Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCCQ	NAV/tai ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCCQ
	VND	VND	VND	VND
Kỳ 7/T háng 7	79.497.590.880	7.414.566.13	10.721.81	242,69
Kỳ 8/T háng 7	81.059.340.793	7.414.566.13	10.932.44	210,63
Kỳ 9/T háng 7	80.234.147.149	7.416.367.90	10.818.52	(113,92)
Kỳ cuối/T háng 7	79.589.230.626	7.416.367.90	10.731.56	(86,96)
Kỳ 1/T háng 8	78.195.714.070	7.416.367.90	10.543.66	(187,90)
Kỳ 2/T háng 8	79.398.532.569	7.440.719.93	10.670.81	127,15
Kỳ 3/T háng 8	81.363.324.840	7.440.719.93	10.934.87	264,06
Kỳ 4/T háng 8	80.151.410.752	7.458.135.98	10.746.84	(188,03)
Kỳ 5/T háng 8	79.639.210.876	7.458.135.98	10.678.16	(68,68)
Kỳ 6/T háng 8	78.678.697.071	7.453.605.63	10.555.79	(122,37)
Kỳ 7/T háng 8	73.988.095.691	7.453.605.63	9.926.48	(629,31)
Kỳ 8/T háng 8	77.036.293.489	7.465.156.52	10.319.44	392,96
Kỳ cuối/T háng 8	77.341.774.540	7.465.156.52	10.360.36	40,92
Kỳ 1/T háng 9	76.948.713.712	7.465.156.52	10.307.71	(52,65)
Kỳ 2/T háng 9	76.729.675.288	7.541.597.79	10.174.19	(133,52)
Kỳ 3/T háng 9	77.391.310.430	7.541.597.79	10.261.92	87,73
Kỳ 4/T háng 9	78.413.716.234	7.543.985.24	10.394.20	132,28
Kỳ 5/T háng 9	77.734.011.052	7.543.985.24	10.304.10	(90,10)
Kỳ 6/T háng 9	78.290.023.180	7.571.422.00	10.340.20	36,10
Kỳ 7/T háng 9	79.839.454.336	7.571.422.00	10.544.84	204,64
Kỳ 8/T háng 9	80.055.662.142	7.559.640.62	10.589.87	45,03
Kỳ 9/T háng 9	79.937.597.503	7.559.640.62	10.574.25	(15,62)
Kỳ cuối/T háng 9	80.287.819.704	7.556.367.76	10.625.18	50,93
Kỳ 1/T háng 10	80.712.492.663	7.556.367.76	10.681.38	56,20
Kỳ 2/T háng 10	83.645.741.115	7.556.367.76	11.069.56	388,18
Kỳ 3/T háng 10	83.714.882.872	7.559.315.17	11.074.40	4,84
Kỳ 4/T háng 10	83.849.275.613	7.559.315.17	11.092.17	17,77
Kỳ 5/T háng 10	85.550.005.784	7.579.586.58	11.286.89	194,72
Kỳ 6/T háng 10	86.309.646.898	7.579.586.58	11.387.11	100,22
Kỳ 7/T háng 10	87.110.684.575	7.576.040.83	11.498,18	111,07

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ NAV/1CCQ VNĐ
	NAV VNĐ	Số lượng CCCQ	tại ngày tính NAV VNĐ	
Kỳ 8/T háng 10	88.041.149.396	7.576.040.83	11.620.99	122,81
Kỳ 9/T háng 10	89.081.337.432	7.575.060.77	11.759.81	138,82
Kỳ cuối/T háng 10	88.906.431.062	7.575.060.77	11.736.72	(23,09)
Kỳ 1/T háng 11	88.740.007.485	7.575.060.77	11.714.75	(21,97)
Kỳ 2/T háng 11	89.064.684.013	7.579.058.70	11.751.41	36,66
Kỳ 3/T háng 11	88.736.432.436	7.579.058.70	11.708.10	(43,31)
Kỳ 4/T háng 11	90.286.864.582	7.581.400.80	11.908.99	200,89
Kỳ 5/T háng 11	90.920.647.732	7.581.400.80	11.992.59	83,60
Kỳ 6/T háng 11	84.318.372.749	7.028.501.73	11.996.63	4,04
Kỳ 7/T háng 11	82.685.784.149	7.028.501.73	11.764.35	(232,28)
Kỳ 8/T háng 11	82.491.152.107	7.023.279.77	11.745.38	(18,97)
Kỳ cuối/T háng 11	81.451.489.220	7.023.279.77	11.597.35	(148,03)
Kỳ 1/T háng 12	81.565.526.563	7.023.279.77	11.613.59	16,24
Kỳ 2/T háng 12	82.999.042.132	7.123.696.51	11.651.11	37,52
Kỳ 3/T háng 12	83.897.701.190	7.123.696.51	11.777.27	126,16
Kỳ 4/T háng 12	84.045.669.511	7.264.373.37	11.569.56	(207,71)
Kỳ 5/T háng 12	85.117.040.066	7.264.373.37	11.717.05	147,49
Kỳ 6/T háng 12	88.594.349.314	7.423.689.64	11.934.00	216,95
Kỳ 7/T háng 12	86.928.412.247	7.423.689.64	11.709.59	(224,41)
Kỳ 8/T háng 12	87.478.724.128	7.474.382.06	11.703.80	(5,79)
Kỳ 9/T háng 12	87.864.010.324	7.474.382.06	11.755.35	51,55
Kỳ cuối/T háng 12	89.232.348.574	7.494.314.89	11.906.67	151,32
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	78.197.785.385		10.471.31	
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất			11.996,63	
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất			9.604,69	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014:

Kỳ tính NAV	Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ	tai ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 8/2014				
Kỳ 2/Tháng 8	59.126.902.867	5.916.400.31	9.993.72	1,69
Kỳ cuối/Tháng 8	59.136.903.111	5.916.400.31	9.995.41	11,69
Kỳ 1/Tháng 9	59.206.045.858	5.916.400.31	10.007.10	0,90
Kỳ 2/Tháng 9	59.211.344.831	5.916.400.31	10.008.00	4,31
Kỳ 3/Tháng 9	65.751.465.021	6.567.059.20	10.012.31	(17,51)
Kỳ 4/Tháng 9	65.636.487.289	6.567.059.20	9.994.80	10.002.88
Kỳ 5/Tháng 9	65.880.812.576	6.586.179.11	9.987.38	(15,50)
Kỳ 6/Tháng 9	65.778.710.049	6.586.179.11	9.993.46	6,08
Kỳ 7/Tháng 9	69.144.869.603	6.919.009.08	9.990.06	(3,40)
Kỳ 8/Tháng 9	69.374.579.350	6.944.358.78	10.012.41	22,35
Kỳ cuối/Tháng 9	69.529.767.527	6.944.358.78	10.019.94	7,53
Kỳ 1/Tháng 10	69.582.103.606	6.944.358.78	10.029.75	9,81
Kỳ 2/Tháng 10	69.668.087.755	6.946.138.82	10.023.49	(6,26)
Kỳ 3/Tháng 10	69.624.573.291	6.946.138.82	10.063.44	39,95
Kỳ 4/Tháng 10	72.484.523.036	7.202.756.14	10.022.42	(41,02)
Kỳ 5/Tháng 10	72.189.099.941	7.202.756.14	9.926.83	(95,59)
Kỳ 6/Tháng 10	72.517.450.177	7.305.193.51	9.986.42	59,59
Kỳ 7/Tháng 10	72.952.780.249	7.305.193.51	9.984,65	(1,77)
Kỳ 8/Tháng 10	73.071.202.491	7.318.353.15	9.864,39	(120,26)
Kỳ 9/Tháng 10	72.191.112.691	7.318.353.15	9.914,52	50,13
Kỳ cuối/Tháng 10	72.548.068.155	7.317.353.15	9.973.32	58,80
Kỳ 1/Tháng 11	72.978.307.565	7.317.353.15	9.976.63	3,31
Kỳ 2/Tháng 11	73.002.587.786	7.317.353.15	9.973,68	(2,95)
Kỳ 3/Tháng 11	72.980.962.051	7.317.353.15	10.011,01	37,33
Kỳ 4/Tháng 11	73.254.164.818	7.317.353.15	10.003,63	(7,38)
Kỳ 5/Tháng 11	73.857.627.453	7.383.082.32	9.977,49	(26,14)
Kỳ 6/Tháng 11	73.664.645.638	7.383.082.32	9.915,17	(62,32)
Kỳ 7/Tháng 11	73.183.279.788	7.380.939.98	9.878,35	(36,82)
	72.911.512.783	7.380.939.98		

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014			<i>Tăng/(giảm) NAV/1CCCQ</i>
	NAV VND	Số lượng CCCQ	tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 8/T háng 11				(79,11)
Kỳ cuối/T háng 11	72.628.977.328	7.411.694,09	9.799,24	(34,03)
Kỳ 1/T háng 12	72.376.767.586	7.411.694,09	9.765,21	18,35
Kỳ 2/T háng 12	72.512.775.478	7.411.694,09	9.783,56	126,59
Kỳ 3/T háng 12	73.482.044.310	7.414.819,32	9.910,15	(295,65)
Kỳ 4/T háng 12	71.289.805.196	7.414.819,32	9.614,50	58,11
Kỳ 5/T háng 12	71.880.763.987	7.431.364,50	9.672,61	(137,36)
Kỳ 6/T háng 12	70.859.983.774	7.431.364,50	9.535,25	(87,86)
Kỳ 7/T háng 12	70.262.568.843	7.437.244,13	9.447,39	95,38
Kỳ 8/T háng 12	70.971.946.242	7.437.244,13	9.542,77	(5,18)
Kỳ 9/T háng 12	70.821.816.416	7.425.542,76	9.537,59	(7,60)
Kỳ cuối/T háng 12/2014	71.967.132.104	7.456.906,88	9.529,99	121,08
Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ	69.952.150.156	6.185.775,97	10.002,62	
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất			10.063,44	
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất			9.447,39	

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 22. TÀI SẢN NGOẠI BÀNG

### 22.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến một năm	<u>7.494.314,89</u>	<u>7.456.906,88</u>

## 23. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUÝ

	Năm 2015	Năm 2014
Tỷ lệ chi phí hoạt động ( <i>Thuyết minh 23.1</i> )	3,20%	3,09%
Tốc độ vòng quay danh mục ( <i>Thuyết minh 23.2</i> )	25,60%	109,17%

### 23.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 365 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} * \text{thời gian Quỹ đã hoạt động (365 ngày)}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

### 23.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 365 * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} * \text{thời gian Quỹ đã hoạt động (365 ngày)}}$$

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ngân hàng giám sát không tham gia vào bất cứ hoạt động nào trong toàn bộ quy trình này.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

### 24.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của quỹ là 85.046.039.200 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 8.504.603.920 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 8.504.603.920 đồng.

#### (ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

#### (iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 24.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 24.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## 25. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**25. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Tài sản tài chính* (tiếp theo)

► *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► *Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

*Nợ phải trả tài chính*

► *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.*

Là các khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

### 25. THUYẾT MINH BÓ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

##### Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thay đổi minh liên quan.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

Đơn vị tính: VNĐ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và tương đương tiền			
- Tiền gửi ngân hàng	2.848.484.314	2.848.484.314	4.199.999.934
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	15.991.509.414
Các khoản đầu tư			
- Cổ phiếu niêm yết	85.046.039.200	85.046.039.200	52.415.695.000
Các khoản phải thu	160.579.666	160.579.666	82.160.133
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.055.103.180</b>	<b>90.055.103.180</b>	<b>72.689.364.481</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	166.657.612
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	108.850.494	108.850.494	80.310.714
Chi phí phải trả	110.000.000	110.000.000	66.038.339
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	244.550.000	244.550.000	82.615.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	-	-	189.459.523
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	328.192.352	328.192.352	133.844.640
<b>Tổng cộng</b>	<b>791.592.846</b>	<b>791.592.846</b>	<b>718.925.828</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

## 25. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

### 26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

#### a) Công ty Quản lý Quỹ

Đơn vị tính: VND

Năm 2015      Năm 2014

Phí quản lý Quỹ	1.486.221.445	480.764.226
-----------------	---------------	-------------

#### b) Thủ tục của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Đơn vị tính: VND

Năm 2015      Năm 2014

Thù lao Ban Đại diện Quỹ	100.000.000	28.931.496
--------------------------	-------------	------------

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC** (tiếp theo)

**26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan** (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Số lượng chứng chi quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chi quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	33,36	2.500.000,00	33,53
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	1.743.027,88	23,26	1.743.027,88	23,37
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hang TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Bên liên quan khác					
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.571.814,01</b>	<b>74,36</b>	<b>5.449.297,48</b>	<b>73,08</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B06-QM

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC** (tiếp theo)

**26.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2015	Năm 2014
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	306.493.761	52.848.072
Phí dịch vụ giám sát	277.175.060	11.260.081
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	49.286.938	12.657.633
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	39.104.206	11.260.081

**27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 23 tháng 3 năm 2016 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp đồng Giám sát Quỹ vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

*Weller*  
Bà Đặng Vũ Hoài Diệu  
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán



*Weller*  
Bà Nguyễn Thị Tường Vi  
Giám đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

*banksru*  
Ông Lê Định Bửu Triển  
Phó Giám đốc Khối điều hành và dịch vụ



*Satwalekar*  
Ông Avinash Deepak Satwalekar  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2016